

Mỹ Tho, ngày 20 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 194/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Công T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp L, xã Tân T2, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang;

- Chị Trần Thị Mỹ T1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Bình P, xã Tân Mỹ C, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12/5/2020, anh Lê Công T và chị Trần Thị Mỹ T1 thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công T và chị Trần Thị Mỹ T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Trần Phương V, sinh ngày 10/7/2014 cho chị Trần Thị Mỹ T1 nuôi dưỡng, anh Lê Công T phải đóng góp nuôi con chung với chị T1 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Trần Phương Vy tròn 18 tuổi.

Anh Lê Công T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày Trần Thị Mỹ T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Công T chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: anh Lê Công T và chị Trần Thị Mỹ T1 mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà anh, chị đã nộp theo các biên lai thu số 0001261 và số 0001262 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nên anh, chị đã nộp xong.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công T và chị Trần Thị Mỹ T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Trần Phương V, sinh ngày 10/7/2014 cho chị Trần Thị Mỹ T1 nuôi dưỡng, anh Lê Công T phải đóng góp nuôi con chung với chị T1 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Trần Phương Vy tròn 18 tuổi.

Anh Lê Công T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày Trần Thị Mỹ T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Công T chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: anh Lê Công T và chị Trần Thị Mỹ T1 mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà anh, chị đã nộp theo các biên lai thu số 0001261 và số 0001262 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nên anh, chị đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Anh Lê Công T;
- Chị Trần Thị Mỹ T1;
- Viện kiểm sát ND TP.MT, Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP.MT, Tiền Giang;
- UBND xã Tân Mỹ C, TP.MT, Tiền Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án-s.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Thị Sang